

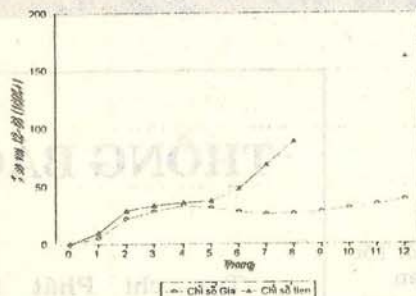
TÌM TÒI LÝ THUYẾT KINH TẾ TIỀN TỆ KHOA HỌC, ĐÚNG ĐẮN TỪ NHỮNG KIỂM CHỨNG THỰC TẾ

VŨ NGỌC NHUNG

Mấy năm gần đây có những hiện tượng tiền tệ ở nước ta làm tôi suy nghĩ muốn tìm tòi lời giải đáp:

- Năm 1989 chúng ta tăng khối tiền giấy lưu thông lên gấp 2,7 lần mà lạm phát không những không tăng mà còn chuyển sang thiếu phát từ tháng 5 đến tháng 11 với chỉ số giá cả âm 5,9% như biểu đồ sau đây thể hiện:

Biểu đồ: Tiền và Giá năm 1989



- Năm 1991 chúng ta phát hành thêm 41% tiền giấy ra lưu thông nhưng chỉ số giá lại tăng thêm tới 67%.

- Năm 1992, 1993 lượng tiền giấy phát hành thêm khoảng 70% nhưng lạm phát lại hạ xuống còn 17,5% năm 1992 và 5,2% năm 1993.

Như vậy là chỉ riêng năm 1990 tỷ lệ lạm phát, 66,7%, xấp xỉ với tỷ lệ phát hành thêm tiền, 78%.

Giải thích các hiện tượng tiền tệ trên bằng các lý thuyết kinh tế tiền tệ khác nhau, chúng ta sẽ làm một cuộc kiểm chứng từ thực tiễn khách quan những điểm đúng, sai. Tôi cho rằng làm như vậy chúng ta sẽ tạo dựng một cơ sở lý luận vững chắc đủ sức cho chúng ta sử dụng công cụ tiền tệ một cách chủ động, có bài bản để phát triển kinh tế, giải quyết những vấn đề hiện nay đang còn nan giải như suy thoái chu kỳ, thất nghiệp.v.v..

1. Bắt đầu từ học thuyết trọng tiền với "quy luật lưu thông tiền tệ" khá đơn giản và có độ bao quát khá lớn quy

50 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

định rằng chỉ được tăng khối tiền lưu thông M1, theo một tỷ lệ tương đương tỷ lệ tăng trưởng kinh tế (1). Nhưng rồi chắc thấy rằng tỷ lệ tăng M1 này không phù hợp với thực tế ở các nước đang phát triển nên "quy luật" này đã được điều chỉnh lên mức phát hành cho phép tới 20%, tức là sự phù hợp có thể cao gấp đến 7 - 8 lần tốc độ phát triển kinh tế của các nước khá nhất Châu Phi, 2-3 lần tốc độ này ở các nước con rồng Châu Á (NIC).

Tuy đã linh hoạt như vậy, nhưng vận dụng vào nước ta cũng không có cách nào giải thích nổi các hiện tượng tiền tệ nói trên. Nếu lại linh hoạt rộng hơn cho rằng nước ta là một ngoại lệ nên tỷ lệ này có thể gấp 10 lần ở các năm 1992 và 1993, gấp 30 lần ở năm 1989 thì nó sẽ không còn là cơ sở lý luận khoa học cho việc điều tiết tiền tệ của các năm tới. Làm sao có thể biết năm nào có thể linh hoạt đến 30 lần, như năm 1989, mà vẫn còn xảy ra thiếu phát? Làm sao có thể giải thích năm 1991 chỉ tăng khối tiền giấy lưu thông lên thêm 41% mà chỉ số giá lại lên tới 67%?

Có thể tác giả của thuyết trọng tiền sẽ chê chúng ta là lạc hậu vì cả thế giới đã xài khối tiền giao dịch M1 mà ta vẫn còn xài M, khối tiền giấy lưu thông, để điều tiết tiền tệ. Nhưng đem M1 ra phân tích, thuyết trọng tiền vẫn phải lảng tránh không trả lời được vì M1 cũng không tuân theo quy luật này, với các con số sau đây:

Bảng 1: Quan hệ giữa tiền lưu thông và tốc độ tăng trưởng*

	1986	1987	1988	1989	1990	1991
M1	110	442	2327	4874	6404	
% tăng/năm trước trong đó:	400%	526%	209%	131%	175%**	
- Tiền mặt trong lưu thông	55	205	1024	2351	4868	
- Tiền gửi không kỳ hạn	55	237	1303	2032	2111	
Tốc độ tăng trưởng của tổng sản phẩm xã hội/năm trước	1.034	1.025	1.058	1.027	1.062	

* Nguồn: tiền tệ và ngân hàng, NXB Thành phố Hồ Chí Minh 1992, trang 205

** Tỷ lệ ước tính từ các số tương đối.



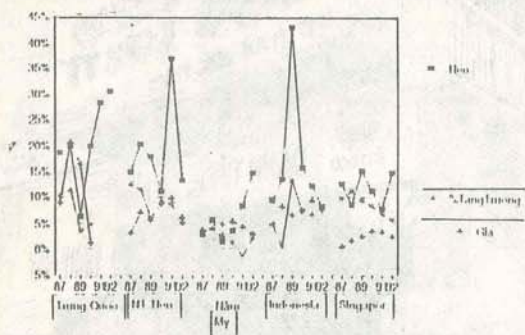
Chưa nói đến việc thuyết trọng tiền hầu như không đưa ra một lập luận nào, một mẫu cân đối tiền- hàng hay cân đối cung- cầu tiền tệ để chứng minh cho "quy luật" nói trên. Cho đến nay trường phái này cũng chưa đưa ra được điều kiện nào cho phép linh hoạt nổi rộng mức cho phép

phát hành thêm tiền vào lưu thông. Tôi cho rằng một luận thuyết thiếu lập luận, thiếu kiểm chứng, có độ co dãn lớn như vậy chưa thể là một quy luật thực sự trong khoa học.

Mặt khác nếu đã là quy luật thì vi phạm quy luật tất sẽ bị trừng phạt. Các hiện tượng tiền tệ ở nước ta và những dẫn chứng của nhiều nước khác đã chứng tỏ rằng không có sự trừng phạt này và ngược lại còn là sự khen thưởng bằng tỷ lệ lạm phát hạ xuống.

Kiểm chứng qua tình hình tiền tệ của nhiều nước cũng chứng minh cho nhận xét trên đây của tôi:

Biểu 2: Quan hệ giữa M1 và % tăng trưởng



Nguồn: Thống kê tài chính Quốc tế của FMI (bản tiếng Pháp) quyển XLVI tháng 9.1993.

Qua biểu đồ trên chúng ta thấy rõ Mỹ cũng có nhiều năm tăng M1 gấp mấy lần tốc độ tăng trưởng như năm 1991 tăng 8,2% gấp 8 lần, năm 1992 gấp 7 lần mà tỷ lệ lạm phát lại thấp hơn năm 1989 và 1990. CH Triều Tiên tăng 36,8% gấp 4,3 lần mà vẫn giữ được lạm phát ở một con số.

2. Tìm hiểu trào lưu chính với đặc trưng là luận thuyết về cung cầu tiền tệ tôi thấy: Mức cung tiền tệ được trình bày là M1 do nhà nước điều tiết, còn mức cầu về tiền tệ được xác định như sau: "Mức cầu tiền tệ (M1) xuất hiện do các doanh nghiệp và các hộ gia đình cần tiền làm phương tiện trao đổi". Như vậy theo tôi hiểu M1 thực tế trong lưu thông là mức cung tiền tệ nhưng khi xét nó dưới dạng mong muốn chi tiêu, cần chi tiêu, M1 lại trở thành mức cầu tiền tệ. Như vậy có một số vấn đề còn có nghi vấn khoa học cần phân tích:

Một là, luận thuyết cung cầu tiền tệ này không giúp chúng ta giải thích được các hiện tượng tiền tệ ở nước ta và một số nước khác.

Thật vậy, chẳng lẽ chúng ta lại có thể cho rằng năm 1989, 1992 và 1993 có thể phát hành thêm +70% đến +172% là do "các doanh nghiệp và hộ gia đình cần nhiều tiền hơn". Nếu đúng như vậy thì năm nào cần phát hành thêm tiền chỉ cần hỏi các doanh nghiệp và hộ gia đình cần tiền nhiều hơn lên.

Trong biểu 2, cũng không thể giải thích hiện tượng tăng M1 gấp mấy lần % tăng trưởng kinh tế là do các doanh nghiệp và hộ gia đình cần tiền nhiều hơn và cũng không có số liệu thống kê về mức cầu tiền tệ này để kiểm chứng.

Hai là, hoàn toàn không có cách nào để tính toán ra số cầu về tiền tệ mang tính tâm lý này. Điều tra điển hình một số gia đình tiêu biểu rồi suy rộng ra và bắt các doanh nghiệp lập kế hoạch về nhu cầu tiền tệ hay sao?

Ba là, mức cầu tiền tệ này lại bỏ sót nhu cầu chi tiêu của chính phủ, yếu tố có tác dụng cực mạnh tới cung cầu tiền tệ. Chi tiêu vượt mức thu ngân sách và số bội chi ngân

sách này được bù đắp bằng việc in tiền giấy luôn luôn là nguyên nhân chủ yếu gây ra lạm phát và nhất là lạm phát phi mã.

Bốn là, theo luận thuyết này muốn chống lạm phát phải tăng lãi suất để giảm mức cầu về tiền tệ nhưng thực tế ở Việt Nam lại cho thấy rằng việc chống lạm phát thành công trong mấy năm qua lại là do tăng cầu về tiền tệ. (sẽ phân tích kỹ ở mục 3 sau đây)

Giữa luận thuyết về cung cầu tiền tệ của trào lưu chính này và thuyết trọng tiền tất nhiên là có sự không đồng nhất về quan điểm. Trào lưu chính đã giới thiệu Thuyết trọng tiền (cụ thể là Alfred Marshall và Irving Fisher) với phương trình trao đổi $MV=PQ$ được biến thành hằng đẳng thức $MV=PQ$ (2) (Tôi thấy cần thiết phải viết tỷ mỷ, dài dòng và nêu rõ tên tác giả như trên vì phê phán các luận thuyết tiền tệ hiện đại là điều cực kỳ khó khăn mà chúng ta phải dày công nghiên cứu. Hy vọng rằng các tác giả sẽ cùng tham gia tìm tòi để tiếp tục phát triển môn kinh tế tiền tệ, một môn học đã thực tế xóa bỏ được khủng hoảng kinh tế thế giới từ 1933, với công lao cách mạng trong kinh tế học của J.M.Keynes)

Sự lẫn lộn trên đây đã làm cho luận thuyết kinh tế tiền tệ của trào lưu chính mất khả năng giải thích các hiện tượng tiền tệ của nước ta và rất nhiều nước khác. Nó đã đi vào vết xe của thuyết trọng tiền vì $M=GNP/V$ cũng có nghĩa là M tùy thuộc vào tốc độ tăng trưởng của kinh tế (% GNP).

3. Sử dụng luận thuyết của Mác về quy luật khối tiền cần thiết cho lưu thông (Kc), chúng ta lại có thể giải thích rõ ràng các hiện tượng tiền tệ nói trên như sau:

3.1. Năm 1989, 1992 và 1993, chúng ta đã có thể phát hành thêm tới +172% (89) và khoảng +70 tới +80% (92 và 93) là vì chúng ta tăng được khối hàng hóa và dịch vụ đưa ra lưu thông (H) từ đó tăng Kc (Xin phép từ đây dùng các ký hiệu Kc, H, V trong $Kc=H/V$ thay cho tên gọi và Kt thay cho khối tiền thực tế lưu thông)

Năm 1989, H tăng khoảng gấp đôi do được mùa dổi ra tới 2 triệu tấn thóc và do mở cửa biên giới phía Bắc nên hàng ngoại, nhất là hàng Trung Quốc tràn vào, V lại giảm do tâm lý chạy trốn khỏi tiền giấy mất giá đã bị giá vàng phá vỡ khi nó giảm từ 420.000đ xuống còn 250.000đ. Kc tăng đã cho phép Bộ Chính trị quyết định cho phát hành thêm tiền để thu mua thóc xuất khẩu.

Năm 1992 và 1993, Kc lại tăng do đầu tư nước ngoài tăng mạnh kéo theo vật tư, thiết bị, hàng hóa vào làm H tăng.

3.2. Mặt khác có hiện tượng mới là đôla tràn vào lưu thông nhiều nên việc phát hành ra nhiều ngàn tỷ đồng để mua đôla trôi nổi chỉ là thay đôla lưu thông bằng tiền giấy phát hành thêm, tổng Kt không tăng do việc phát hành này. Đôla hiện đang là một ngoại tệ mạnh nhất và vững giá do tỷ lệ lạm phát rất nhẹ ở Mỹ

nên chúng ta không sợ phát hành tiền giấy ra để mua đôla sẽ bị nhập khẩu lạm phát như các nước đã bị trong các thập niên 60 và 70 khi phát hành tiền ra để mua đôla đang mất giá vào để giữ tỷ giá cố định theo chế độ tiền tệ Bretton Woods.

Mặt khác đôla vào theo mức tăng trưởng đầu tư có kéo theo vật tư, thiết bị, hàng hóa và dịch vụ đều là những yếu tố tăng H và tăng tiền tệ (Kc)

3.3. Riêng năm 1991 phát hành thêm có 41% mà chỉ số giá cả lại tăng tới 67%, có thể giải thích bằng quy luật Kc là Kc giảm do cách quản lý vàng và đôla đã bị buông trôi nửa đầu năm để cho giá vàng chỉ tăng 8,5% và đôla chỉ tăng 19,9% trong khi chỉ số giá cả đã tăng 30,2%, tính đến tháng 5.91. Giá vàng và đôla tăng chậm chỉ bằng 1/3 chỉ số giá như chiếc lò so nên lại đã bung ra thành cơn sốt vàng và đôla mùa thu năm đó với tốc độ bù trừ gấp 3 lần chỉ số giá cả.

